

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 31 – 3 – 2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự - Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đông Hà

Bà Nguyễn Thị Tua

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện X, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 6, xã Q, huyện X, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa, nguyên đơn Phạm Văn N trình bày: Ngày 30/11/2018, anh Phạm Văn N có cho ông Trần Văn Q vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, ông Trần Văn Q có ký nhận vào biên nhận mượn tiền và biên nhận này do anh Phạm Văn N quản lý, việc thỏa thuận lãi suất hai bên tự thỏa thuận bằng lời nói với nhau, không có ghi vào biên bản. Sau khi vay ông Trần Văn Q có hứa 05 ngày trả nhưng quá thời hạn anh Phạm Văn N có yêu cầu ông Trần Văn Q trả nhưng ông Trần Văn Q không trả.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn N yêu cầu ông Trần Văn Q trả số tiền 20.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay cho đến ngày xét xử, yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn Q để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo yêu cầu triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút về lãi suất, buộc bị đơn chịu lãi suất chậm trả và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng, xét xử xét thấy, tài liệu giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, nhưng qua lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thừa nhận giao dịch dân sự giữa anh Phạm Văn N và ông Trần Văn Q là giao dịch dân sự vay tài sản, việc thỏa thuận lãi suất các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có ghi vào biên bản. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự - Vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn N đối với yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn Phạm Văn N đã cung cấp cho Tòa án “Giấy mượn tiền (Bút lục 01) thể hiện nội dung ông Trần Văn Q, sinh năm: 1968; HKTT: ấp 6, Vĩnh Trung, Vị Thủy, HG; có mượn của anh Phạm Văn N, sinh năm: 1977; HKTT: ấp 3, xã V, huyện X, tỉnh Hậu Giang số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); có chữ ký của Đại diện bên B ông Trần Văn Q, Đại diện bên A ông Phạm Văn N và đơn xác nơi cư trú của ông Phạm Văn N được công an xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xác nhận ông Trần Văn Q đang trú tại ấp 6, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho bị đơn ông Trần Văn Q nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,* 4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”. Do đó, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Trần Văn Q đã vay của anh Phạm Văn N số tiền 20.000.000 đồng thì phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho anh Phạm Văn N theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, anh Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[5] Trong đơn khởi kiện anh Phạm Văn N yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/11/2018. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Phạm Văn N rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu anh Phạm Văn N đã rút.

[6] Đối với yêu cầu lãi suất chậm trả của anh Phạm Văn N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Phạm Văn N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, Điều 147; Điều 224 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn N đối với bị đơn ông Trần Văn Q.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về lãi suất từ ngày 30/11/2018 do anh Phạm Văn N rút tại phiên tòa.

[3] Buộc bị đơn ông Trần Văn Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Văn N số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

[4] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu là 1.000.000 đồng (*Một triệu nghìn đồng*). Nguyên đơn anh Phạm Văn N được nhận lại số

tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003440 phiếu lập ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân xã nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ.

Lư Trường Tây